

Số: *2484* /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày *15* tháng *10* năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Phú Bình

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 06/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung danh mục các dự án thu hồi đất, các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1637/QĐ-UBND ngày 14/7/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Phú Bình thời kỳ 2021-2030;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 574/TTr-STNMT ngày 03/10/2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2024, huyện Phú Bình với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

### 1. Diện tích các loại đất phân bổ bổ sung năm 2024

Tổng diện tích các loại đất phân bổ bổ sung năm 2024 là 19,09 ha.

(Chi tiết tại phụ lục I kèm theo)

### 2. Kế hoạch thu hồi các loại đất bổ sung năm 2024

Tổng diện tích thu hồi đất bổ sung năm 2024 là 19,09 ha.

(Chi tiết tại phụ lục II kèm theo)

### 3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất bổ sung năm 2024

Tổng diện tích chuyển mục đích sử dụng đất bổ sung năm 2024 là 19,07 ha.

(Chi tiết tại phụ lục III kèm theo)

### 4. Danh mục các công trình, dự án bổ sung năm 2024

Tổng số công trình, dự án thực hiện bổ sung năm 2024 là 01 dự án, với diện tích sử dụng đất là 19,09 ha.

(Chi tiết tại phụ lục IV kèm theo)

**Điều 2.** Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, UBND huyện Phú Bình có trách nhiệm:

1. Công bố công khai bổ sung kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;

2. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm toàn diện về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch của các ngành, lĩnh vực có liên quan, đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật;

3. Đối với việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất phải thực hiện đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành;

4. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Phú Bình và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng UBND tỉnh chịu trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Thái Nguyên. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- TT. Thông tin tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh (đ/c Chung; đ/c Huy);
- Lưu: VT, CNN&XD, TH.

Anhd. QĐ/T10/2024

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Quang Tiên**



## Phụ lục I

### Diện tích các loại đất phân bổ bổ sung năm 2024 huyện Phú Bình

(Kèm theo Quyết định số 2484/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính
			Xã Tân Thành
	<b>Tổng</b>	<b>19,09</b>	<b>19,09</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>19,07</b>	<b>19,07</b>
1.1	Đất trồng lúa		
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	0,11	0,11
1.3	Đất trồng cây lâu năm	0,08	0,08
1.4	Đất rừng phòng hộ		
1.5	Đất rừng đặc dụng		
1.6	Đất rừng sản xuất	18,88	18,88
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản		
1.8	Đất nông nghiệp khác		
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>0,02</b>	<b>0,02</b>
2.1	Đất ở nông thôn		
2.2	Đất ở đô thị		
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan		
2.4	Đất an ninh		
2.5	Đất quốc phòng		
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp		
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp		
2.8	Đất có mục đích công cộng	0,02	0,02
2.9	Đất cơ sở tôn giáo		
2.10	Đất cơ sở tín ngưỡng		
2.11	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng		
2.12	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối		
2.13	Đất có mặt nước chuyên dùng		
2.14	Đất phi nông nghiệp khác		



## Phụ lục II

### Kế hoạch thu hồi đất bổ sung năm 2024 huyện Phú Bình

(Kèm theo Quyết định số 1484/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính
			Xã Tân Thành
	<b>Tổng</b>	<b>19,09</b>	<b>19,09</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>19,07</b>	<b>19,07</b>
1.1	Đất trồng lúa		
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	0,11	0,11
1.3	Đất trồng cây lâu năm	0,08	0,08
1.4	Đất rừng phòng hộ		
1.5	Đất rừng đặc dụng		
1.6	Đất rừng sản xuất	18,88	18,88
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản		
1.8	Đất nông nghiệp khác		
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>0,02</b>	<b>0,02</b>
2.1	Đất ở nông thôn		
2.2	Đất ở đô thị		
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan		
2.4	Đất an ninh		
2.5	Đất quốc phòng		
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp		
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp		
2.8	Đất có mục đích công cộng	0,02	0,02
2.9	Đất cơ sở tôn giáo		
2.10	Đất cơ sở tín ngưỡng		
2.11	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng		
2.12	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối		
2.13	Đất có mặt nước chuyên dùng		
2.14	Đất phi nông nghiệp khác		

### Phụ lục III

## Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất bổ sung năm 2024 huyện Phú Bình

(Kèm theo Quyết định số 1484/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)



Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính
			Xã Tân Thành
	<b>Tổng</b>	<b>19,07</b>	<b>19,07</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp</b>	<b>19,07</b>	<b>19,07</b>
1.1	Đất trồng lúa		
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	0,11	0,11
1.3	Đất trồng cây lâu năm	0,08	0,08
1.4	Đất rừng phòng hộ		
1.5	Đất rừng đặc dụng		
1.6	Đất rừng sản xuất	18,88	18,88
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản		
1.8	Đất nông nghiệp khác		
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp</b>		
	<i>Trong đó:</i>		
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm		
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng		
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản		
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối		
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản		
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối		
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng		
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng		
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng		

Phụ lục IV

Danh mục 01 dự án bổ sung năm 2024 trên địa bàn huyện Phú Bình

(Kèm theo Quyết định số 2484/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)



STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Tổng diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>19,09</b>		<b>18,88</b>			<b>0,21</b>
1	Mỏ đất san lấp tại xã Tân Thành (Khu 1)	Xã Tân Thành, huyện Phú Bình	19,09		18,88			0,21